

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 377/2020/DS-ST

Ngày: 17-11-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc.
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Đào Văn Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 463/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 500/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 330/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lâm Bảo N, sinh năm: 1986 (có mặt).

Nơi thường trú: Số 378, ấp 3, xã P, huyện G, tỉnh B.

Địa chỉ liên lạc: Hẻm 103 đường Lê Minh N, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: 157/24H, Hẻm 157, Đường số 54, Tổ 14, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lợi Thị D, sinh năm: 1953 (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 157/24H, Hẻm 157, Đường số 54, Tổ 14, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện nộp ngày 24/5/2019, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Lâm Bảo N trình bày:

Bà N và bà Nguyễn Thị Bích H là hàng xóm láng giềng với nhau. Ngày 02/6/2017, bà N có cho bà H mượn số tiền 170.000.000đồng để bà H bổ sung vốn kinh doanh. Ngày 07/10/2017, bà H gặp bà N nói cha bà H đang bị bệnh nên xin mượn thêm 133.000.000đồng để chữa bệnh cho cha, thấy bà H khó khăn nên bà N đồng ý cho mượn. Việc vay mượn tiền giữa bà N và bà H được lập thành hợp đồng và được Văn phòng Công chứng Củ Chi công chứng. Đến ngày 09/12/2017, bà H tiếp tục đến nhà bà N xin mượn thêm 30.000.000đồng, lần này vì số tiền nhỏ nên bà H chỉ ghi và ký nhận tiền vào mặt sau của hợp đồng vay tiền ngày 07/10/2017. Tổng cộng 03 lần bà H đã mượn tôi số tiền: 333.000.000đ. Để đảm bảo cho việc vay tiền bà H giao cho bà N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593, sổ vào sổ: 401890/15, đối với thửa đất số: 841, tờ bản đồ diện tích 89,80m², đứng tên ông Nguyễn Văn K (nay viết tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593)

Bà H mượn tiền bà N để chữa bệnh và lo đám tang cho cha bà H là ông Nguyễn Văn K. Mẹ bà H là bà Lợi Thị D cùng em trai là Nguyễn Văn H đều biết nên bà N đã nhiều lần yêu cầu bà H cùng bà D, ông H phải hoàn trả tiền cho bà N nhưng họ cứ trốn tránh không trả. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bích H và bà Lợi Thị D và ông Nguyễn Văn H phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền 333.000.000đồng tiền gốc và Tiền lãi được tính lãi suất 9%/năm, tính từ ngày 09/12/2017 cho đến ngày xét xử.

Tại phiên Tòa:

Bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tính lãi và phần buộc ông H và bà D có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà H, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích H trả số tiền đã mượn là 333.000.000đồng.

Do hoàn cảnh gia đình bà H khó khăn nên bà N đồng ý cho bà H trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết số tiền nợ. Thống nhất với sự tự nguyện của bà D, ông H sẽ có trách nhiệm trả nợ thay bà H nếu bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N. Bà N đồng ý hoàn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593, sổ vào sổ: 401890/15, đối với thửa đất số: 841, tờ bản đồ diện tích 89,80m², đứng tên ông Nguyễn Văn K cho bà H.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H vắng mặt.

3. Tại phiên Tòa và Tại bản tự khai ngày 27/8/2020, ông Nguyễn Văn H và bà Lợi Thị D cùng thống nhất trình bày:

Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593 hiện đang đứng tên ông Nguyễn Văn K. Sau khi ông K mất, gia đình có tìm kiếm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593 nhưng không thấy, một thời gian sau thì bà Nguyễn Lâm Bảo N đến nhà và đưa ra hợp đồng vay mượn tiền giữa bà N và bà H và nói với gia đình, bà H đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593 đứng tên ông Nguyễn Văn K để mượn tiền.

Nay bà N khởi kiện buộc bà H phải trả số tiền 333.000.000đồng thì ông H, bà D đồng ý và có ý kiến tự nguyện như sau: Trường hợp bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N thì bà D và ông H sẽ có trách nhiệm trả thay bà H số tiền 333.000.000đồng cho bà N theo phương thức trả nợ như bà N đề xuất ở trên.

Bà N rút yêu cầu tính lãi đôi với số tiền 333.000.000đ và yêu cầu buộc bà D, ông H có nghĩa vụ liên đới trả tiền cùng bà H thì bà D và ông H thống nhất, đồng ý.

Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593, số vào sổ: 401890/15, đối với thửa đất số: 841, tờ bản đồ diện tích 89,80m², đứng tên ông Nguyễn Văn K thì đề nghị bà N trả lại cho bà H. Sau nay, bà D và ông H có tranh chấp đôi với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì sẽ khởi kiện tranh chấp trong một vụ án khác.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C:**

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; việc Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 466, Bộ luật dân sự 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Bích H

phải trả khoản tiền vay 333.000.000đ cho bà N, theo phương thức trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết số tiền nợ. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H và bà Lợi Thị D về việc: Nếu bà H không trả nợ cho bà N thì bà D và ông H sẽ có trách nhiệm trả thay bà H số tiền bà H nợ bà N, phương thức trả nợ như bà N đề xuất ở trên. Buộc bà N phải hoàn trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593 cho bà H. Đình chỉ yêu cầu của bà N đã rút đối với phần tính lãi và phần buộc bà D, ông H có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả nợ cho bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Bích H vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Bích H theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn có đơn rút một phần khởi kiện về lãi suất đối với bà Nguyễn Thị Bích H và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Lợi Thị D và ông Nguyễn Văn H. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ gốc là 333.000.000đồng theo các hợp đồng vay tiền, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích H cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[3.1] Hợp đồng vay tiền ngày 02/6/2017 và ngày 07/10/2017 do bà Nguyễn Lâm Bảo N cung cấp được công chứng hợp pháp. Đây là chứng cứ không cần chứng minh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại hai hợp đồng này thể hiện rõ bà Nguyễn Thị Bích H đã vay bà N hai lần với tổng số tiền là 303.000.000đ.

Ngày 09/12/2017, bà H tiếp tục mượn bà N 30.000.000đ, bà H đã ghi nội dung nhận tiền sau đó ký trực tiếp vào mặt sau của hợp đồng vay tiền ngày 07/10/2017. Phần ghi và ký nhận này của bà H không được công chứng nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, có cơ sở xác định bà H đã vay tiền của bà Nguyễn Lâm Bảo N 03 lần, với tổng cộng là 333.000.000đồng (Lần 01 vào ngày 02/6/2017, số tiền: 170.000.000đồng; Lần 02 vào ngày 07/10/2017, số tiền: 133.000.000đồng. Lần 03 vào ngày 09/12/2017, số tiền: 30.000.000đồng). Yêu cầu của bà N buộc bà H phải trả số tiền 333.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[3.2]. Bà N đồng ý cho bà H trả dần số tiền 333.000.000đồng theo phương thức mỗi tháng trả 2.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ, bắt đầu trả từ tháng 12/2020, vào ngày 17 tây hàng tháng là có lợi cho bà H nên được chấp nhận.

[3.3] Ông H và bà D thống nhất tự nguyện sẽ có trách nhiệm trả nợ thay bà H theo phương thức trả nợ như trên, nếu bà H không trả số tiền nợ 333.000.000đ cho bà N, được bà N đồng ý. Đây là sự tự nguyện không trái pháp luật của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Bà N đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593 do bà H giao để đảm bảo cho khoản vay. Xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593 đứng tên ông Nguyễn Văn K (cha ruột bà H) nên việc bà H tự ý lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này giao cho bà H để đảm bảo khoản vay cá nhân là trái pháp luật. Ông K hiện đã chết, có vợ là bà Lợi Thị D và 02 con Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Bích H. Bà N nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593 từ bà H, bà D và ông H đồng ý để bà N giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593 cho bà H là phù hợp nên được chấp nhận.

[3.4] Về lãi: Bà N tự nguyện rút yêu cầu tính lãi và yêu cầu buộc bà D, ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả nợ cho bà N là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết hai yêu cầu này của bà N.

[4] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Bà Nguyễn Lâm Bảo N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 280, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;
- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Lâm Bảo N.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích H có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Lâm Bảo N số tiền 333.000.000đ (ba trăm ba mươi ba triệu đồng). Phương thức trả nợ: Mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi trả hết số tiền 333.000.000đ (ba trăm ba mươi ba triệu đồng), bắt đầu trả vào tháng 12/2020, trả vào ngày 17 tây hàng tháng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lợi Thị D và ông Nguyễn Văn H: Trường hợp bà Nguyễn Thị Bích H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N, thì bà D và ông H sẽ có trách nhiệm trả thay bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 333.000.000đ (ba trăm ba mươi ba triệu đồng) cho bà Nguyễn Lâm Bảo N. Phương thức trả nợ: Mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi trả hết số tiền 333.000.000đ (ba trăm ba mươi ba triệu đồng), bắt đầu trả vào tháng 12/2020, trả vào ngày 17 tây hàng tháng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Lâm Bảo N nếu bà Nguyễn Thị Bích H, bà Lợi Thị D và ông Nguyễn Văn H chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả xong nợ.

3. Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Lâm Bảo N với bà Nguyễn Thị Bích H đối với số tiền nợ 333.000.000đ (ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

4. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Lâm Bảo N buộc bà Lợi Thị D và ông Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Bích H trả số tiền 333.000.000đ (ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

5. Bà Nguyễn Lâm Bảo N có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích H

bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 156593, số vào sổ: 401890/15, đối với thửa đất số: 841, tờ bản đồ diện tích 89,80m², đứng tên ông Nguyễn Văn K.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 16.650.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hoàn lại bà Nguyễn Lâm Bảo N được số tiền tạm ứng án phí 9.250.000đ (chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0022379 ngày 11/7/2019 tại Chi Cục thi hành án huyện C.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

7. Án xử công khai có mặt nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Ngọc